

Việt Nam tránh lệ thuộc Trung Quốc về thị trường hàng nông sản như thế nào?

Đồng Xuân Dăm*, Đàm Quang Vinh**

Ngày nhận: 5/7/2014

Ngày nhận bản sửa: 20/8/2014

Ngày duyệt đăng: 22/8/2014

Tóm tắt:

Bài viết tập trung nghiên cứu thực tiễn quan hệ thương mại cũng như đánh giá sự phụ thuộc của Việt Nam – Trung Quốc thông qua hoạt động xuất khẩu các mặt hàng nông sản. Đồng thời, bài viết cũng nghiên cứu những cơ hội, thách thức trong xuất khẩu hàng nông sản của Việt Nam sang Trung Quốc. Cuối cùng, bài viết đưa ra một số quan điểm về việc làm thế nào để tránh lệ thuộc vào Trung Quốc về xuất khẩu nông sản.

Từ khóa: Sản phẩm nông nghiệp, Tránh lệ thuộc, Thương mại Việt Nam – Trung Quốc

1. Đặt vấn đề

Thương mại hai chiều Việt Nam – Trung Quốc có những bước phát triển khá nhanh kể từ khi hai nước bình thường hóa quan hệ vào đầu những năm 1990 (Zhang, 2012). Sự gần gũi về địa lý; Cơ cấu thương mại mang tính bổ trợ (Việt Nam xuất khẩu thô tài nguyên, nông sản, trong khi nhập khẩu hàng tiêu dùng và nguyên liệu sản xuất) (Eyler, 2014; Zhang, 2012; Hà Thị Hồng Vân, 2011); Sự dễ dãi của người tiêu dùng về chất lượng và nguồn gốc sản phẩm; Việt Nam với những bãi biển nhiệt đới là thiên đường cho du khách Trung Quốc đi du lịch nghỉ dưỡng và làm ăn,... là những lý do cho sự tăng trưởng nhanh của thương mại hai chiều Việt Nam – Trung Quốc trong suốt thời gian qua (Hoàng Đức Thân, 2014; Zhang, 2012).

Tuy nhiên, mọi việc đều có mặt trái của nó. Sự dễ dãi của một thị trường như Trung Quốc dễ làm người ta chủ quan mà quên đi nguyên tắc đa dạng hóa đối tác kinh doanh. Những diễn biến về chính trị và sự căng thẳng trong sự kiện Biển Đông vừa qua đã cảnh báo Việt Nam rằng cần tái cấu trúc nhằm cân bằng lại quan hệ giữa các đối tác kinh tế

và tránh lệ thuộc vào đối tác thương mại không lồ Trung Quốc, quốc gia mà giờ đây đã được nhìn nhận rõ ràng là một đối tượng cần cảnh giác hơn bao giờ hết.

Bài báo, bên cạnh việc khái quát lại thực tiễn quan hệ thương mại Việt – Trung, đặc biệt là trong lĩnh vực xuất khẩu nông sản và thu hút khách du lịch, đánh giá những cơ hội và thách thức trong phát triển các đối tác thương mại mới cho Việt Nam để đi đến một vài luận điểm về tránh lệ thuộc Trung Quốc về xuất khẩu nông sản và thu hút khách du lịch Trung Quốc sang Việt Nam.

2. Thực trạng xuất khẩu nông sản Việt Nam sang Trung Quốc

Trung Quốc được đánh giá là thị trường xuất khẩu trọng điểm, đối tác thương mại hàng đầu của Việt Nam với kim ngạch thương mại song phương năm 2012 đạt 41,1 tỷ USD, dự báo kim ngạch thương mại hai chiều cả năm 2013 sẽ đạt xấp xỉ 50 tỷ USD. Trong đó, những năm gần đây, Trung Quốc đã nổi lên trở thành một trong các thị trường xuất khẩu nông sản quan trọng của Việt Nam với kim

Bảng 1: Các thị trường xuất nhập khẩu lớn của Việt Nam năm 2013

Đơn vị: tỷ USD

Thị trường	Xuất khẩu	%	Nhập khẩu	%	Tổng xuất nhập khẩu	%
Tổng cộng	132,13	100	132,11	100	264,24	100
Trung Quốc	13,26	10,0	36,95	28,0	50,21	19,0
ASEAN	18,47	13,9	21,64	16,4	40,11	15,2
EU	24,30	18,4	9,50	7,2	33,80	12,8
Mỹ	23,90	18,0	5,20	3,9	29,10	11,0
Hàn Quốc	6,60	5,0	20,70	15,7	27,30	10,3
Nhật	13,70	10,4	11,60	8,8	25,30	9,6

Nguồn: Lê Đăng Doanh (2014)

ngạch tăng trưởng bình quân ba năm gần đây (từ năm 2010 đến 2012) đạt 35,9% và chiếm tỷ trọng 33,9% trong tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam với thế giới (Bộ Công Thương, 2014a; Zhang, 2012; Eyler, 2014).

Số liệu năm 2013 cho thấy, Trung Quốc không phải là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam mà chỉ là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam (thành tích này một phần lớn là do các dự án do nhà thầu công nghiệp Trung Quốc thắng thầu triển miên tại Việt Nam mà tính minh bạch của đấu thầu còn là câu hỏi lớn).

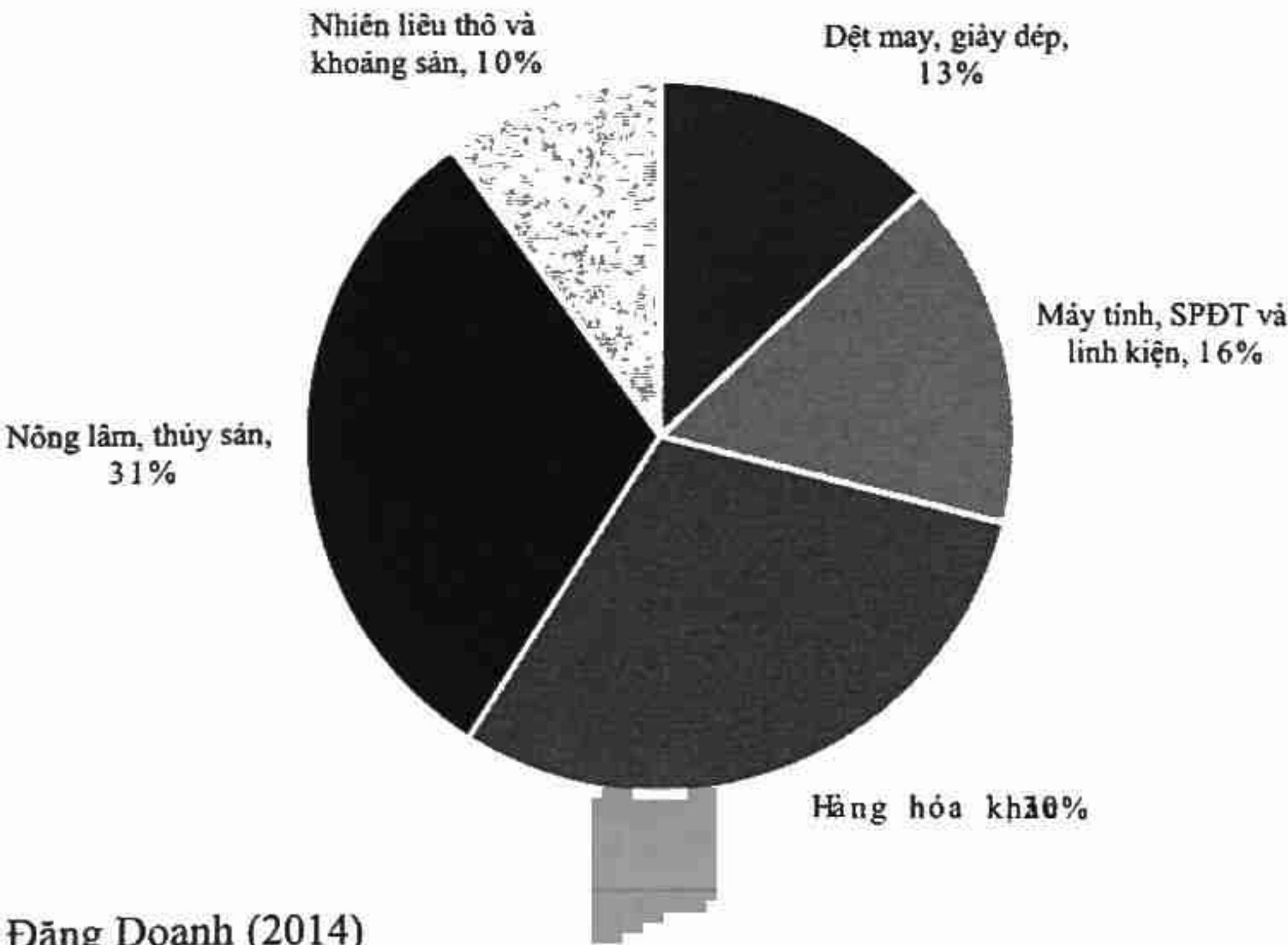
Bảng 1 cho thấy Việt Nam không thực sự lệ thuộc vào thị trường Trung Quốc trong xuất khẩu hàng hóa nói chung mà lệ thuộc vào Hoa Kỳ nhiều hơn. Tuy vậy, Trung Quốc vẫn là thị trường xuất khẩu nông sản chủ yếu của Việt Nam, có lẽ do đây là thị

trường quá dễ tính cho hàng nông sản chưa “đạt chuẩn” của chúng ta.

Theo những số liệu trong báo cáo của Bộ Công Thương, các mặt hàng nông sản xuất khẩu chính của Việt Nam sang Trung Quốc gồm: rau quả, nhân điều, cà phê, chè các loại, gạo, cao su, sắn và các sản phẩm từ sắn (Zhang, 2012). Năm 2012, kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này sang Trung Quốc đạt hơn 4,33 tỷ USD tăng 17,37%. Đặc biệt, trong nhóm này, mặt hàng gạo và cà phê có mức tăng đột biến cả về lượng lẫn kim ngạch, cụ thể: cà phê tăng 106,1% về lượng và 145,08% về kim ngạch (đạt 130,3 triệu USD), mặt hàng gạo tăng 574,9% về lượng và 459,1% về kim ngạch (đạt 898,4 triệu USD) (Bộ Công Thương, 2014a; Zhang, 2012).

Mặt khác, xu hướng tăng cường xuất khẩu nông sản từ Việt Nam sang Trung Quốc vẫn tiếp tục tăng

Hình 1: Cơ cấu hàng Việt Nam xuất khẩu vào Trung Quốc năm 2013



Nguồn: Lê Đăng Doanh (2014)

lên, đặc biệt là từ sau khi có hiệp định tự do hóa thương mại ASEAN – Trung Quốc (ACFTA), kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng nông lâm thủy sản của Việt Nam sang Trung Quốc liên tục gia tăng với mức tăng trưởng khoảng 28,8%/năm trong giai đoạn 2004- 2013. Xuất khẩu sang Trung Quốc chiếm khoảng 10% tổng kim ngạch hàng hóa của Việt Nam. Trong nhóm ngành nông, lâm, thủy sản, tỷ trọng này cao gấp đôi, đạt khoảng 20%; tăng mạnh từ 9,7% vào năm 2003 lên tới 21,6% vào năm 2012 và khoảng 20% vào năm 2013 (Bộ Công Thương, 2014a).

Trong khi đó, năm 2013, kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản của Việt Nam ước đạt 28 tỷ USD, tăng 1,5% so với cùng kỳ năm 2012. Giá trị nhập khẩu các mặt hàng nông nghiệp năm 2013 đạt 18 tỷ USD, tăng 12,9% so với cùng kỳ năm ngoái. Như vậy, mức xuất siêu của ngành nông nghiệp đạt khoảng 10 tỷ USD. Trong nhóm hàng hóa có kim ngạch xuất khẩu cao, thủy sản đạt 7 tỷ USD, gạo khoảng 3 tỷ, gỗ và các sản phẩm từ gỗ khoảng 5,5 tỷ... Nếu so tổng kim ngạch nông sản xuất khẩu nông sản Việt Nam sang Trung Quốc thì rõ ràng thị trường Trung Quốc hiện nay chiếm một tỷ trọng lớn của nông sản xuất khẩu của Việt Nam, và chắc chắn sẽ là một sức ép lớn đối với các nhà sản xuất Việt Nam nếu thị trường này có biến động xấu (Bộ Công Thương, 2014a).

Số liệu từ Bộ Công Thương cũng cho thấy, những mặt hàng có mức phụ thuộc cao vào thị trường Trung Quốc gồm có sắn và sản phẩm từ sắn (86%), cao su thiên nhiên (khoảng 46%), rau quả (28%), nhân điều (18-19%), gạo (tỷ trọng của thị trường Trung Quốc đã tăng vọt từ khoảng 0,08% vào năm 2001 lên 24,4% vào năm 2012 và đặc biệt năm 2013 đã lên tới 30,8%), cà phê (tỷ trọng tăng trong 2 năm trở lại đây, từ mức khoảng 2% của những năm trước đó lên trên 3,5% như hiện nay) và chè (hiện khoảng 8%) (Bộ Công Thương, 2014a).

Đánh giá về mức tăng trưởng xuất khẩu nông sản Việt Nam sang Trung Quốc thời gian qua liên tục ở mức cao như vậy, hầu hết các ý kiến đều thống nhất ở mấy nguyên nhân cơ bản sau:

- Trung Quốc là một thị trường khổng lồ về tất cả các mặt hàng nhập khẩu, trong đó có hàng nông sản của Việt Nam. Tăng trưởng kinh tế cao liên tục trong hơn 30 năm qua, dân số đông nhất hành tinh (trên 1,3 tỷ người), ... đã đưa Trung Quốc thành một

thị trường tiêu thụ hàng đầu thế giới với dung lượng khổng lồ và còn tiếp tục tăng trưởng;

Thị trường Trung Quốc khá dễ tính về chất lượng và nguồn gốc sản phẩm;

- Việt Nam có thuận lợi về vị trí địa lý và giao thông trong phát triển thương mại cả chính ngạch và tiểu ngạch với Trung Quốc, đặc biệt là các tỉnh miền nam Trung Quốc;

- Nông sản Việt Nam chủ yếu là sản phẩm đặc trưng của vùng nhiệt đới nên có tính bổ sung cao hơn là tính cạnh tranh với hầu hết các nông sản Trung Quốc (đặc biệt là hoa quả).

Dù đã thành công trong xuất khẩu nông sản nhờ sự gần gũi và dễ tính của Trung Quốc nhưng Việt Nam cũng cần phải quan ngại về tính ổn định, bền vững cũng như mối lo về sự lệ thuộc nguy hiểm đối với thị trường khổng lồ này. Tổng hợp các ý kiến chuyên gia qua các hội nghị, hội thảo cũng như từ nghiên cứu khác, tác giả nhận thấy có một số mối quan ngại chính như sau:

- Thị trường Trung Quốc chiếm một tỷ trọng lớn trong tổng cơ cấu sản lượng sản xuất và xuất khẩu của hầu hết các nông sản Việt Nam, nghĩa là Việt Nam đang phụ thuộc quá nhiều vào Trung Quốc trong xuất khẩu nông sản. Bài học của các nhà sản xuất chuối Philippines khi có căng thẳng trong quan hệ song phương (Nhất Ngôn, 2014) đã cảnh báo về sự nguy hại của việc quá lệ thuộc vào một thị trường nói chung và vào thị trường Trung Quốc nói riêng, đặc biệt là trong bối cảnh Trung Quốc càng ngày càng hung hăng với các láng giềng.

- Sự dễ dãi của thị trường Trung Quốc có thể đem đến cái lợi trước mắt nhưng lại là mối nguy lâu dài cho nền sản xuất nông sản Việt Nam. Sự dễ dãi này, trên thực tế, đã khuyến khích các nhà sản xuất Việt Nam chạy theo số lượng, quên đi chất lượng. Việt Nam sản xuất bao nhiêu Trung Quốc cũng tiêu thụ hết. Hệ quả là, các nhà sản xuất Việt Nam trở nên “lười biếng” trong việc áp dụng quy trình sản xuất an toàn, chất lượng để thâm nhập vào các thị trường khó tính như Châu Âu, Mỹ, Nhật,... Đây chính là tiền đề cho nguy cơ lệ thuộc lâu dài vào Trung Quốc. Hậu quả chắc chắn là rất khốc liệt vì cách quản lý thương mại của Trung Quốc với hàng nông sản Việt Nam rất thất thường. Đã có hàng đoàn xe chở nông sản bị ách tắc khi xuất khẩu, gây thiệt hại kinh tế, giảm hiệu quả xuất khẩu cho các doanh

ng nghiệp Việt Nam và làm điều đứng hàng vạn nông dân Việt Nam (Thái Thuận, 2014);

- Bên cạnh việc lệ thuộc vào thị trường đầu ra Trung Quốc, Việt Nam lệ thuộc vào nguồn cung các vật tư nông nghiệp từ Trung Quốc. Nguồn vật tư này không thiếu những chủng loại dưới chuẩn, gây hại cho môi trường, làm ảnh hưởng đến thói quen sản xuất an toàn của nông dân Việt Nam, làm giảm chất lượng nông sản Việt Nam, khiến cho nông sản Việt Nam khó thâm nhập các thị trường cao cấp khác.

3. Cơ hội và thách thức trong xuất khẩu hàng nông sản sang thị trường Trung Quốc

3.1. Cơ hội

Thị trường Trung Quốc vẫn sẽ là một thị trường đầy hấp dẫn với nông sản xuất khẩu Việt Nam. Thị trường Trung Quốc với trên 1,3 tỷ dân với mức tăng thu nhập cao luôn là một thị trường đầy hấp dẫn với mọi đối tác thương mại. Số liệu từ Bộ Công Thương cho thấy, kim ngạch xuất khẩu nông thủy sản của Việt Nam sang Trung Quốc chiếm 20% tổng giá trị xuất khẩu mặt hàng này của Việt Nam. Trong khi đó, tỷ trọng nhập khẩu từ Trung Quốc cũng khá cao. Chỉ riêng phân bón nhập khẩu từ Trung Quốc chiếm tới 50% và thuốc trừ sâu là 50% tổng lượng nhập khẩu. Nếu kể đến lượng hàng nông sản Trung Quốc xuất sang Việt Nam thì thấy quan hệ thương mại nông sản giữa hai nước rất sôi động, là lợi ích của

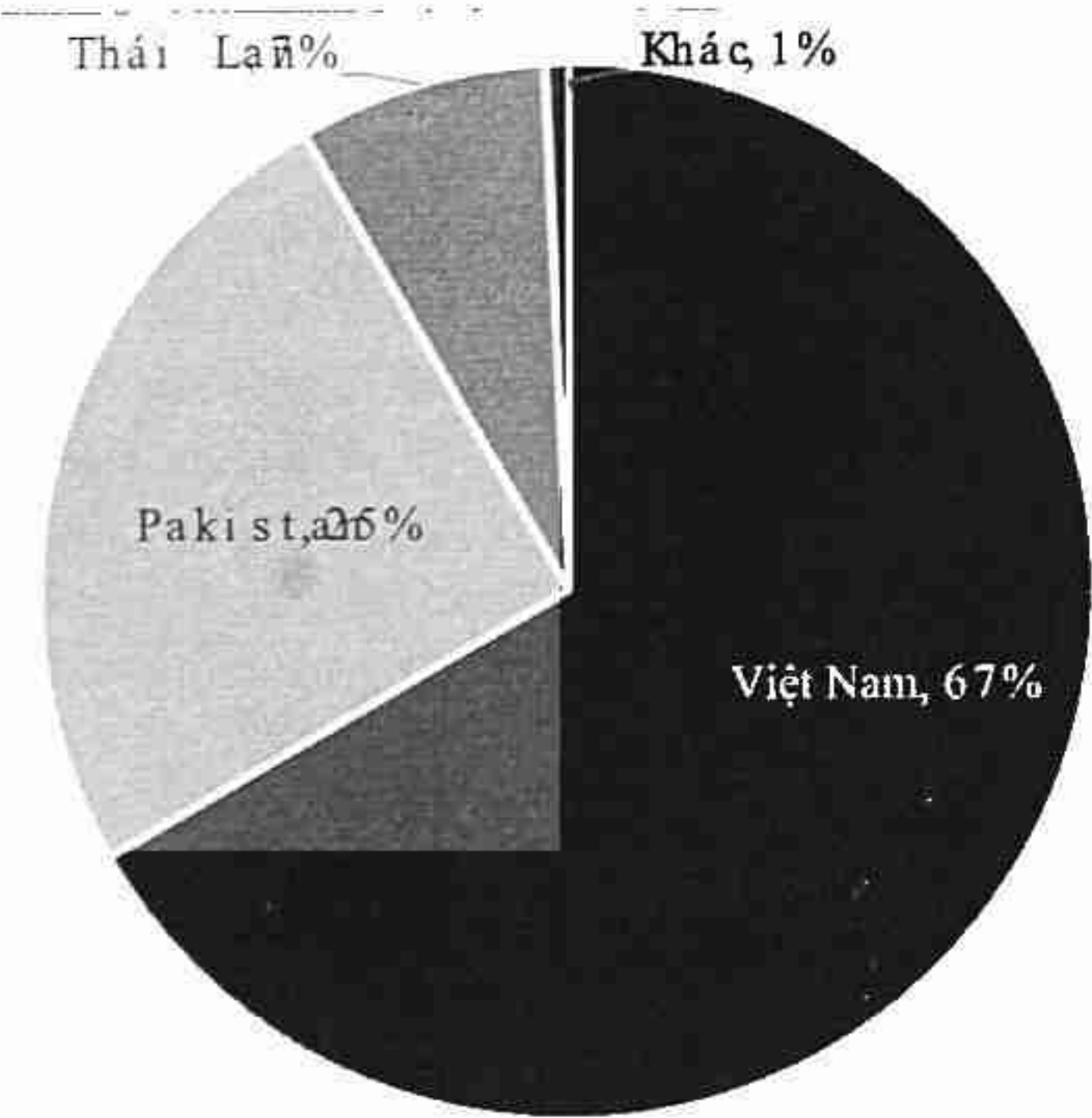
cả hai bên (Bộ Công Thương, 2014a). Tổng kim ngạch nhập khẩu nông sản của Trung Quốc năm 2013 có thể đạt hơn 110 tỷ USD. Đây là cơ hội lớn cho nông sản Việt Nam tiến mạnh vào thị trường lớn này (Bộ Công Thương, 2014a).

Các sản phẩm nông sản được Trung Quốc nhập khẩu chủ yếu gồm: ngũ cốc, bông và đường ăn, các loại hạt có dầu và dầu thực vật, rau quả và trái cây, và sản phẩm gia súc gia cầm. Theo đó, nhóm hàng có liên qua trực tiếp đến an ninh lương thực luôn đóng vai trò chủ chốt trong hoạt động nhập khẩu. Cụ thể, nhập khẩu mặt hàng ngũ cốc lên đến 13,9 triệu tấn tăng 156,7% về lượng, kim ngạch nhập khẩu đạt 4,7 tỷ USD tăng 134,2 (Bộ Công Thương, 2014a).

Riêng mặt hàng lúa gạo Trung Quốc nhập khẩu 2,369 triệu tấn tăng tới 296,2%. Tính đến hết tháng 9/2013, cơ cấu nhập khẩu nhóm hàng này vẫn không thay đổi và được dự báo sẽ tiếp tục duy trì mức tăng trưởng trong thời gian tới (Bộ Công Thương, 2014a).

Trung Quốc cần nhập khẩu gạo từ Việt Nam để đảm bảo an ninh lương thực cho chính họ, nhập khẩu hoa quả và nông sản khác như chè, sắn, cao su... để phục vụ chế biến công nghiệp. Một thực tế là phần lớn hàng nông sản Trung Quốc nhập khẩu của Việt Nam là cung cấp cho các tỉnh Đông Nam và Tây Nam Trung Quốc. Đây là những khu vực đa

Hình 2: Thị phần nhập khẩu gạo của các nước vào Trung Quốc



Nguồn: (Bộ Công Thương, 2014b)

sắc tộc, khá phức tạp và cần ổn định để phát triển kinh tế. Nếu nguồn hàng nhập khẩu từ Việt Nam bị dừng thì chính họ sẽ gặp bất an lớn về kinh tế, xã hội (Bộ Công Thương, 2014a).

Xem xét về những cơ hội cho hàng nông sản xuất khẩu, về việc tránh lệ thuộc thị trường Trung Quốc, Việt Nam tìm đến các đối tác thương mại mới, tác giả đặc biệt quan tâm đến các thỏa thuận tự do hóa thương mại song phương và đa phương mà Việt Nam đã và sẽ ký kết với các đối tác quan trọng, tiềm năng trên thế giới. Những đối tác tiềm năng cho hàng Việt Nam nói chung và hàng nông sản nói riêng được xác định theo thứ tự quan trọng giảm dần (theo quan điểm của tác giả) là: Liên minh Châu Âu, Bắc Mỹ, Nhật, Nga, Trung Đông, ASEAN,... Trong đó, những điểm thuận lợi, được coi là cơ hội có thể kể đến là:

- *Thứ nhất:* Hầu hết các thị trường trọng điểm tiềm năng này đều đã hoặc sẽ (trong tương lai gần) ký kết hiệp định thương mại tự do với Việt Nam. Đặc biệt, các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (chẳng hạn như Hiệp định Đối tác Kinh tế Chiến lược xuyên Thái Bình Dương - TPP) không chỉ tạo thuận lợi hóa cho nông sản xuất khẩu của Việt Nam mà còn đưa ra những điều kiện khắt khe về nguồn gốc đầu vào cho sản xuất. Điều này có thể gây ra một vài khó khăn trước mắt, nhưng sẽ tạo sự ổn định, tin cậy lâu dài cho nông sản xuất khẩu Việt Nam;

- *Thứ hai:* Các mặt hàng Việt Nam hiện xuất khẩu nhiều sang Trung Quốc về cơ bản đều là thế mạnh của nền sản xuất nông nghiệp nhiệt đới (như hoa quả nhiệt đới và gạo) và không cạnh tranh trực tiếp với sản phẩm nội địa của các thị trường trọng điểm tiềm năng (bao gồm Châu Âu, Mỹ và Nhật Bản). Đây cũng là thuận lợi ngay cả khi không có hiệp định thương mại tự do;

- *Thứ ba:* Ngoài các mặt thuận lợi đã kể trên, thị trường Châu Âu, Mỹ, Nhật và các thị trường khác đều đang có quan hệ thân thiện và có nhiều nỗ lực ủng hộ Việt Nam. Điển hình như Liên minh Châu Âu đã có nhiều ưu đãi cho Việt Nam với tư cách là một quốc gia đang chuyển đổi và có trình độ phát triển tương đối thấp; Nhật Bản cũng nỗ lực rất nhiều trong hỗ trợ nông sản Việt Nam thâm nhập thị trường Nhật (như các hỗ trợ kỹ thuật cho quy trình sản xuất, thu hoạch và bảo quản nông sản an toàn theo tiêu chuẩn Nhật; hỗ trợ kỹ thuật và tiêu thụ cho

khai thác cá ngừ đại dương;...);

- *Thứ tư:* Quy mô các thị trường này đủ lớn để hấp thụ hết sản lượng nông sản Việt Nam chuyển từ thị trường Trung Quốc sang.

Đánh giá chung, thị trường Trung Quốc vẫn đem đến cho hàng nông sản Việt Nam một cơ hội vô cùng to lớn. Song song với đó, việc tránh lệ thuộc thị trường nông sản Trung Quốc cũng đang có nhiều cơ hội thuận lợi từ các thị trường thay thế. Tại các thị trường thay thế, các điều kiện về thị trường, quan hệ kinh tế, môi trường chính trị, văn hóa,... nhìn chung đang có tín hiệu lạc quan cho cuộc chuyển hướng của nông sản Việt Nam từ thị trường Trung Quốc sang các đối tác thương mại mới.

3.2. Thách thức

Bên cạnh những cơ hội, các thách thức cho hàng nông sản Việt Nam tại thị trường Trung Quốc và thâm nhập thị trường mới là không hề nhỏ xét trong bối cảnh chung của nền sản xuất nông nghiệp Việt Nam hiện nay.

3.2.1. Về thị trường Trung Quốc

Những thách thức trước hết là từ sự thiếu ổn định trong cung cách làm ăn và phương thức giao dịch xuất nhập khẩu. Đặc trưng lớn nhất của hàng nông sản xuất khẩu là đòi hỏi phải được bảo quản tốt, thông quan nhanh để tránh bị hỏng. Tuy nhiên, một mặt, các nhà xuất khẩu Việt Nam thường xuyên bị thua thiệt trong vấn đề này. Mặt khác, họ cũng lúng túng trong việc áp dụng các kỹ thuật nghiệp vụ xuất nhập khẩu để phòng vệ rủi ro. Lý do một phần là thói quen làm ăn nhỏ lẻ, và thiếu hiểu biết của phía Việt Nam. Bên cạnh đó, Trung Quốc lại đặc biệt khuyến khích phát triển thương mại biên mậu, vốn là hoạt động rất khó áp dụng các kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương theo thông lệ quốc tế.

Quan hệ phức tạp giữa Việt Nam và Trung Quốc xoay quanh các vấn đề về lãnh thổ, chính trị và văn hóa cũng là một trở ngại khác. Những xung đột thường xuyên này thường dẫn đến những phản ứng tiêu cực không chỉ cho thị trường tiêu dùng nông sản, mà còn cả những nguy cơ về các biện pháp trả đũa công khai và không công khai từ cả hai phía.

3.2.2. Về vấn đề tránh lệ thuộc thị trường Trung Quốc

Thách thức lớn nhất trong nỗ lực giảm sự lệ thuộc vào thị trường Trung Quốc chính là tìm kiếm các thị trường thay thế, đặc biệt là thị trường các nước công

ng nghiệp phát triển. Nhìn chung, các thị trường này có yêu cầu cao về chất lượng và sản lượng tiêu chuẩn trong khi phần lớn nông sản Việt Nam thậm chí còn đáp ứng tiêu chuẩn trong nước (VietGAP).

Một thách thức không nhỏ nữa cho nông sản Việt Nam là các chính sách quản lý đất đai và thủ tục hành chính hiện thời đang cản trở các tập đoàn lớn đầu tư vào sản xuất nông nghiệp ở quy mô trang trại. Với thực tiễn sản xuất manh mún của nông dân Việt Nam hiện nay, rất khó khuyến khích các doanh nghiệp theo các mô hình 3 nhà – nhà nông, nhà khoa học, nhà doanh nghiệp đầu tư quy mô lớn, áp dụng khoa học kỹ thuật hiện đại vào sản xuất nông nghiệp. Các tập đoàn chỉ có thể đầu tư mạnh về khoa học kỹ thuật, tiền vốn để cải tạo đất,... khi mà họ thực sự chủ động nắm được đất đai, tuyển được các nhà khoa học, công nhân nông nghiệp trong tay họ. Các cam kết theo mô hình 3 nhà là quá lỏng lẻo và ít được tôn trọng trong bối cảnh Việt Nam hiện nay.

4. Một vài khuyến nghị nhằm tránh lệ thuộc Trung Quốc về thị trường nông sản xuất khẩu

Việc tránh lệ thuộc thị trường Trung Quốc và tìm kiếm các đối tác thương mại mới không phải là một việc làm duy ý trí, mà phải dựa trên những tính toán khoa học và các bước đi hợp lý đảm bảo hài hòa cả lợi ích trước mắt và lợi ích lâu dài. Từ những phân tích ở trên, tác giả đề xuất một số giải pháp sau:

4.1. Tổ chức lại hệ thống sản xuất hàng nông sản

Cần triệt để tổ chức lại hệ thống sản xuất hàng nông sản theo hướng quy mô đại trang trại với nòng cốt là sự đầu tư của các tập đoàn sản xuất nông

ng nghiệp quy mô lớn có khả năng áp dụng công nghệ cao và hệ thống quản trị tiên tiến. Chỉ bằng cách chuyển đổi sản xuất nông nghiệp theo mô hình này, Việt Nam mới có thể đáp ứng được về chất lượng, sản lượng, kiểm soát an toàn quy trình sản xuất, xây dựng và bảo vệ thương hiệu nông sản, nâng cao hiệu quả sản xuất, tìm kiếm thị trường và đối tác thương mại ổn định để thâm nhập thị trường khó tính như Liên minh Châu Âu, Mỹ và Nhật Bản. Hơn nữa, nếu áp dụng được mô hình này, Việt Nam cũng sẽ chủ động hơn trong cuộc chơi với thương lái Trung Quốc.

4.2. Đa dạng hóa các đối tác thương mại thông qua các hiệp định thương mại tự do

Cần đẩy nhanh quá trình đàm phán và thực thi các thỏa thuận hiệp định thương mại tự do với các đối tác thương mại quan trọng. Về bản chất, hiệp định thương mại tự do sẽ làm cho thương mại hàng nông sản mở rộng hơn, tự do hơn, giảm thuế nhiều hơn, giảm rào cản nhiều hơn. Đây là điểm khác biệt căn bản của hiệp định thương mại tự do (và lý do ra đời của hiệp định thương mại tự do) so với Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). WTO đã phần nào thất bại trong việc tự do hóa hàng nông sản nên các nước mới tìm đến giải pháp thông qua hiệp định thương mại tự do. Việt Nam tham gia càng nhiều hiệp định thương mại tự do với nhiều đối tác khác thì như “bỏ trứng vào nhiều giỏ” và càng giảm mức độ phụ thuộc vào Trung Quốc. Các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (như TPP, hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Liên minh Châu Âu, hiệp định thương mại tự do Việt – Hàn) có mức độ tự do hóa cao hơn lại càng giúp giảm bớt sức ép của

“Việt Nam, với tư cách là một nước thành viên ASEAN, đến nay đã kết thúc đàm phán về Hiệp định Thương mại hàng hoá và đang thực hiện cam kết cắt giảm thuế nhằm thiết lập các khu vực mậu dịch tự do trong nội bộ ASEAN (AFTA), ASEAN với Trung Quốc (ACFTA) với Hàn Quốc (AKFTA) với Nhật Bản (AJFTA), với Ấn Độ (AITIG), với Australia và với New Zealand, và đang đàm phán Hiệp định Khu vực Thương mại Tự do ASEAN- EU. Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện song phương Việt Nam- Nhật Bản cũng đã được ký kết. Hiệp định thương mại tự do với Chile đã có hiệu lực từ tháng 2 năm 2014. Hiện nay, Việt Nam tiếp tục đàm phán Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP), Việt Nam- Liên minh châu Âu (VEFTA); Việt Nam- Hàn Quốc (VKFTA); Việt Nam- Liên minh thuế quan Nga, Belarus và Kazakhstan (Hiệp định VCUFTA); Hiệp định khu vực về đối tác kinh tế toàn diện (RCEP ASEAN+6)” (Bộ Công Thương, 2014a).

thị trường Trung Quốc.

4.3. Thay đổi tư duy trong tái cơ cấu nông nghiệp, nông dân và nông thôn

Trong việc tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp, cần đặc biệt lưu ý thay đổi tư duy hỗ trợ người nông dân. Không thể để người nông dân với tư duy hạn chế, thiếu vốn, thiếu kiến thức quản lý lại ôm cùng lúc các khâu sản xuất, tiêu thụ và hạch toán kinh doanh. Cần mạnh dạn với tư duy để người nông dân chuyển thành “công nhân nông nghiệp”, không nhất thiết họ phải là chủ đất nữa. Cần khuyến khích các cá nhân giỏi kinh doanh, doanh nghiệp nhanh chóng tích tụ đất đai để đầu tư vào sản xuất nông nghiệp quy mô lớn. Chỉ có doanh nghiệp mới có đủ khả năng tiếp thu định hướng của Chính phủ, giải quyết các bài toán thị trường trên cơ sở các năng lực vượt trội hơn nông dân ở các điểm như: thu thập thông tin; thạo kinh doanh; huy động vốn, đầu tư công nghệ sản xuất, bảo quản; áp dụng quy trình sản xuất an toàn, sinh thái; xây dựng thương hiệu.

Trong đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững cũng đã đặt ra mục tiêu: “...nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh thông qua tăng năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng”. Điều này đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ, thống nhất giữa các bộ, ban, ngành cũng như sự quyết tâm và năng động của chính người sản xuất và các doanh nghiệp ngành nông lâm thủy sản trong việc nâng cao chất lượng sản phẩm, xây dựng các chuỗi giá trị bền vững và xuyên quốc gia cho hàng nông sản Việt Nam. Từ đó, nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành, đồng thời tăng sự chủ động cho Việt Nam trên thị trường quốc tế, giảm dần xuất khẩu sang Trung Quốc (Bộ Công

Thương, 2014a).

4.4. Kiểm soát buôn bán tiểu ngạch quy mô lớn

Giám sát, giảm thiểu, thậm chí có thể cấm buôn bán tiểu ngạch với Trung Quốc nếu cần thiết. Tăng cường công tác quản lý hoạt động buôn bán tiểu ngạch, đảm bảo chống gian lận thương mại, làm tốt công tác kiểm dịch, kiểm tra nhãn mác, thương hiệu, xuất xứ rõ ràng để tránh tình trạng gây rối loạn thương mại, làm lây lan dịch bệnh, nhằm giảm rủi ro trong tình trạng căng thẳng chung.

5. Kết luận

Tránh lệ thuộc vào Trung Quốc trong xuất khẩu nông sản đòi hỏi các giải pháp đồng bộ từ trung ương đến địa phương. Cần quan tâm không chỉ đến đầu ra sản xuất mà còn đến cả quá trình và đầu vào sản xuất. Để nông sản Việt Nam thâm nhập thị trường các nước công nghiệp phát triển tiềm năng, qua đó giảm dần sự lệ thuộc vào Trung Quốc, trước hết, các doanh nghiệp phải nhanh chóng chủ động đa dạng hóa nguồn nguyên liệu đầu vào của mình, nhất là nguyên liệu quan trọng phục vụ sản xuất thức ăn gia súc, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, vắc xin, giống cây trồng vật nuôi, nguyên phụ liệu phục vụ sản xuất... Cần lưu ý nguồn gốc, xuất xứ vật tư đầu vào đảm bảo chất lượng và có ưu tiên nguồn gốc từ các nước đang đàm phán TPP với Việt Nam.

Đây cũng là thời cơ tốt để nông nghiệp Việt Nam hướng tới việc tái cơ cấu sản phẩm chủ yếu, chất lượng cao, sâu hơn, an toàn hơn, đa dạng hơn, không chỉ đáp ứng nhu cầu xuất khẩu bền vững, giá trị cao, mà còn đáp ứng cho chính nhu cầu chính đáng của người dân Việt Nam vì sự phát triển lành mạnh và trường tồn của giống nòi. □

Tài liệu tham khảo

- Bộ Công Thương (2014a), *Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch thương mại năm 2013 và phương hướng năm 2014*, Hà Nội.
- Bộ Công Thương (2014b), *Tổng hợp tình hình thương mại hàng nông sản với Trung Quốc*.
- Eyler Brian (2014), ‘The Coming Downturn of China-Vietnam Trade Relations’, *East by Southeast*, Truy cập ngày 9.9.2014.
- Hà Thị Hồng Vân (2011), ‘Intermediate Goods Trade Between Vietnam and China’, Trong *Intermediate Goods Trade in East Asia: Economic Deepening Through FTAs/EPAs*, Mitsuhiro Kagami (Biên soạn), Nhà xuất bản IDE-JETRO, Bangkok Thai Lan.
- Hoàng Đức Thân (2014), Nhận định thương mại Việt Nam với Trung Quốc, *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, Số 206(Tháng 8/2014), Trang: 11-15.

Lê Đăng Doanh (2014), Hội nhập quốc tế, chủ quyền kinh tế và độc lập tự chủ, soạn), *Tự chủ kinh tế trong một thế giới phụ thuộc lẫn nhau*, Hanoi: Nhà xuất bản VCCI [Phòng Công nghiệp và Thương mại Việt Nam].

Nhất Ngôn (2014), 'Đầu ra cho nông sản: "Thoát" Trung nhìn từ ngành chuối Philippines', Truy cập ngày 12/9/2014, từ <http://tuoitrethudo.vn/kinh-te/tin-chi-tiet/-/chi-tiet/%C4%91au-ra-cho-nong-san-%E2%80%9Cthoat%E2%80%9D-trung-nhin-tu-nganh-chuoi-philippines-6525-314.html>

Thái Thuận (2014), 'Nông sản ách tắc ở Tân Thanh', truy cập ngày 12/9/2014, từ <http://baotintuc.vn/kinh-te/nong-san-ach-tac-o-tan-thanh-20140327153350889.htm>

Zhang Ning (2012), Research on Trading Relations between China and Vietnam, *Tạp chí Journal of Engineering (JOE)*, Số 1(2), Trang: 30-35.

How Vietnam can avoid the overdependence on China in agriculture exporting market?

Abstract:

This study focuses on current state and assesses the interdependence in commercial exchanges between Vietnam and China via export volume in agricultural products. This also examines challenges and opportunities in Vietnam's agricultural products's export to China. Finally, this study suggests some solutions to avoid the overdependence in agricultural products' exchange with China.

Thông tin tác giả:

***Đồng Xuân Đàm, Tiến sĩ Quản trị Kinh doanh**

- Tổ chức tác giả công tác: Khoa Du lịch- khách sạn, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

- Lĩnh vực nghiên cứu chính của tác giả: Văn hóa doanh nghiệp, Quản trị sự thay đổi, Quản trị chiến lược, Quản trị Du lịch, Chính sách phát triển và Quản lý du lịch bền vững

- Một số tạp chí tiêu biểu mà tác giả đã từng đăng tải công trình nghiên cứu: *Tạp chí Kinh tế và Phát triển; Kinh tế và dự báo; Tạp chí Tài Chính Doanh nghiệp; Tạp chí Revue de Gestion*

- Địa chỉ liên hệ: Địa chỉ email: dongxuandam@gmail.com

****Đàm Quang Vinh, Tiến sĩ kinh tế**

- Tổ chức tác giả công tác: Viện Thương mại và Kinh doanh quốc tế, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

- Lĩnh vực nghiên cứu chính của tác giả: Kinh doanh quốc tế, Kinh tế học quốc tế

- Một số tạp chí tiêu biểu mà tác giả đã từng đăng tải công trình nghiên cứu: *Tạp chí Kinh tế và Phát triển; Kinh tế và dự báo; Tạp chí Những vấn đề Kinh tế và Chính trị Thế giới.*

- Địa chỉ liên hệ: Địa chỉ email: damquangvinhneu@gmail.com